

ĐẠO ĐỨC, NHÂN CÁCH CỦA PHỤ NỮ VIỆT NAM XƯA VÀ NAY

LÊ THI*

Tóm tắt: Trong những năm gần đây, cùng với những bước phát triển lớn lao về mọi mặt của đất nước, quá trình toàn cầu hóa, giao lưu và hội nhập quốc tế có tác động mạnh mẽ đến đời sống đạo đức của người phụ nữ Việt Nam. Một mặt, nữ giới Việt đã chứng minh được vai trò, vị thế quan trọng và ngày càng cao trong đời sống hiện đại. Mặt khác, đạo đức của một bộ phận phụ nữ Việt đang có những biểu hiện lệch chuẩn, giá trị đạo đức bị xói mòn gây nhức nhối dư luận và ảnh hưởng tiêu cực, cản trở tới sự phát triển xã hội. Từ đây, đặt ra yêu cầu xây dựng đạo đức mới, nhân cách cho người phụ nữ Việt Nam là vấn đề cấp bách. Tác giả bài viết nêu những quan điểm về mô hình đạo đức truyền thống của phụ nữ Việt Nam thời xưa. Trên cơ sở phân tích, đánh giá sự kết hợp giữa những phẩm chất đạo đức truyền thống với nền văn minh hiện đại, đặt ra yêu cầu xây dựng đạo đức, nhân cách và văn hóa ứng xử để tạo nên giá trị cao quý và vẻ đẹp đích thực của phụ nữ Việt Nam hiện nay.

Từ khóa: Gia đình, phẩm chất đạo đức, nhân cách và ứng xử của phụ nữ Việt Nam.

1. “Tam tông tứ đức”: mô hình đạo đức lý tưởng của phụ nữ thời phong kiến

Khổng Tử trước đây đã nêu ra thuyết “Tam cương ngũ thường” và “Tam tông tứ đức” để làm chuẩn mực cho mọi sinh hoạt chính trị, an sinh xã hội và gia đình thời phong kiến. Thuyết này đã được truyền bá từ Trung Quốc sang Việt Nam và thời kỳ nhà Hán; có ảnh hưởng chủ yếu đến tầng lớp quan lại, gia đình quyền quý Việt Nam.

a) “*Tam cương ngũ thường*” là đạo đức của nam giới phải tuân theo. Tam là ba, cương là giường mối. *Tam cương* là ba trật tự của xã hội phong kiến; bao gồm: quân thần cương, phu tử cương, phu phụ cương. *Quân thần cương* là mối

quan hệ giữa vua và thần dân trong triều. *Phu tử cương* là bổn phận của cha và con; cha có bổn phận nuôi dạy con, con phải có hiếu với cha mẹ. *Phu phụ cương* là bổn phận giữa vợ và chồng.

Ngũ là năm, thường là hằng có. “*Ngũ thường*” là năm điều thường có khi sống ở đời. Đó là nhân, nghĩa, lễ, trí, tín. *Nhân* là có lòng thương người. *Nghĩa* là có đạo nghĩa. *Lễ* là đối xử có lễ phép. *Trí* là con người có trí tuệ. *Tín* là con người sống thành thật để mọi người tin mình.

b) “*Tam tông tứ đức*” là đạo đức của

(*) Giáo sư, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.

người phụ nữ. *Tam tông* gồm ba nội dung mà người phụ nữ phải thực hiện trong suốt cuộc đời của họ từ khi nhỏ đến lúc về già: *tại gia tông phụ, xuất giá tông phụ, phu tử tông tử*.

Tứ đức là bốn đức tính: *công, dung, ngôn, hạnh*. Người phụ nữ phải học tập, rèn luyện bản thân để có bốn đức tính ấy. Theo quan niệm truyền thống, “*tứ đức*” vừa là *cái đích* hướng tới, vừa là *thước đo, tiêu chí* để khẳng định giá trị của người phụ nữ.

c) Nội dung thuyết “tam tông” thể hiện rõ cách đối xử *bất bình đẳng* đối với phụ nữ trong gia đình; vì phụ nữ họ phải *phục tùng người đàn ông* với tư cách là người cha, người chồng, người con trai.

Tại gia tông phụ nghĩa là khi còn sống ở nhà từ bé đến lúc trưởng thành, người con gái có hiếu, phải nghe lời người cha dạy, đặc biệt trong việc sắp đặt hôn nhân gia đình của họ.

Xuất giá tông phụ nghĩa là người đàn bà khi lấy chồng phải nghe theo chồng, chấp hành ý kiến chồng chỉ đạo, không được cãi lại. Đó là sự *bất bình đẳng* lớn giữa vợ và chồng.

Trước đây, người phụ nữ chỉ được *lấy một chồng*, nam giới có quyền *lấy nhiều vợ* và đã xảy ra bao nhiêu chuyện rắc rối, đau khổ trong quan hệ giữa vợ cả, vợ lẽ, nàng hầu do thái độ đối xử không công bằng của người chồng.

Quan niệm “xuất giá tông phụ” thể hiện rõ *quyền lực của người đàn ông* đối với đàn bà, của người chồng đối với vợ. Theo quan niệm đó người phụ nữ phải

vâng lời, tuân theo sự áp đặt của người chồng trong suốt cuộc đời từ khi lập gia đình; cho dù có bao nhiêu bi kịch, nỗi oan ức, họ vẫn phải chịu đựng.

Phu tử tông tử nghĩa là chồng chết, người mẹ phải nghe theo lời con trai. Đây cũng thể hiện một quan điểm bất bình đẳng đối với phụ nữ. Suốt đời họ không góc đầu lên được, dù chồng đã chết, con cái đã trưởng thành.

Khi người chồng chết thì tuyệt đại đa số phụ nữ ở góa, nuôi con, không tái hôn. Khi con đã trưởng thành, họ thường ở với con cả hay con út. Họ tiếp tục giúp đỡ con cái nhiều việc trong gia đình mà không ngồi chơi không. Họ có những kinh nghiệm sống có thể truyền đạt cho con cháu để xử lý những khó khăn xảy ra trong cuộc sống hàng ngày. Họ có thể ngăn cản con cái không làm điều xấu.

Nhìn chung, quan niệm về *tam tông* đã tước quyền bình đẳng của người phụ nữ trong suốt cuộc đời của họ từ lúc trẻ đến khi về già. Thuyết “tam tông” bó hẹp trách nhiệm người phụ nữ chỉ trong *phạm vi gia đình*, không nói đến sự tham gia công tác xã hội của họ.

Người phụ nữ lao động vất vả, không được học tập, phải làm việc nhiều, đặc biệt phải làm nội trợ gia đình, nuôi con cái, phục tùng tuyệt đối sự chỉ đạo của người cha, người chồng, người con trai đã trưởng thành khi chồng chết.

Ngày nay, pháp luật nước ta đã bảo đảm *quyền bình đẳng giữa nam và nữ*, xóa bỏ các quan niệm lạc hậu của thuyết “tam tông”.

d) Nội dung cụ thể của *tứ đức* (công, dung, ngôn, hạnh) theo quan niệm trước đây

Công là công việc, nghĩa là biết làm việc, bao hàm cả tài năng khéo léo, trí tuệ thông minh, được rèn luyện, thử thách. *Công* nói lên sự *khéo léo, đảm đang* của phụ nữ trong việc chăm sóc gia đình, nuôi dạy con cái, tổ chức đời sống gia đình. Trước hết, người phụ nữ biết *tề gia nội trợ*, khéo léo *sắp xếp công việc gia đình*, nuôi dạy con cái. Họ *giỏi nữ công gia chánh*, nấu ăn ngon cho chồng con, biết làm cỗ khi nhà có giỗ, khi đãi khách, v.v.. Họ biết *thêu thùa*, vá may, nuôi tằm dệt vải. Với tư cách người vợ, người mẹ, phụ nữ phải *giỏi* giang công việc nội trợ gia đình theo đúng chức năng, nhiệm vụ của họ; biết quán xuyến chỉ tiêu của gia đình. Họ *nhập gia tùy tục*, có trách nhiệm trong việc bảo đảm nối dõi tông đường. Tài năng của phụ nữ thể hiện trước hết ở tài may vá, *thêu thùa*, *bếp núc*. Cũng có một số chị em buôn bán ở chợ hay làm hàng rong. Một số phụ nữ *giỏi* con nhà quyền quý thì có thêm tài: *cầm, kỳ, thi, họa*. Ở những dòng họ quý tộc, người vợ thay chồng quản lý nhân công, kẻ ăn người ở trong nhà, coi sóc ruộng nương, điền sản.

Dung là *dung nhan, diện mạo, dáng dấp của người phụ nữ*. *Dung* thể hiện ra bên ngoài, với gương mặt, thân hình khả ái, dễ thương. Đó cũng là cái nét na thể hiện qua cách *ứng xử, nói cười, làm ăn*. Trang phục của người phụ nữ *chỉnh tề*, không lộ liễu, *khêu gợi*, *đầu tóc gọn*

gàng, trái gờ hàng ngày. Phụ nữ đạt tiêu chuẩn *dung* thì *liều yếu đào tơ*, đi lại nhẹ nhàng, e lệ, *khép nép*, không được mặt ủ mày chau, cau có, *băn gắt*. *Dung* mao luôn tươi tắn, *điềm đạm*, kể cả lúc bị chồng mắng. *Dung* là sự *kết hợp hài hòa* giữa *vẻ đẹp hình thức* và *vẻ đẹp tâm hồn*. Cái đẹp tâm hồn còn giá trị hơn nhiều lần cái đẹp hình thức bên ngoài.

Ngôn là lời ăn tiếng nói, ngôn từ giao tiếp. Trong giao tiếp, phụ nữ phải *khoan thai*, *dịu dàng*, *mềm mỏng*, có duyên. Ca dao đã có câu: “Chim khôn kêu tiếng rảnh rang/ Người khôn nói tiếng nhẹ nhàng dễ nghe”; “Lời ngọt lọt vào tai”.

Đối với phụ nữ thì lời ăn tiếng nói phải *ngọt ngào, dịu dàng*. Họ biết *lúc nào* nên nói, *lúc nào* không nên nói, *điều gì* nên nói, *điều gì* không nên nói hay chưa nên nói. “Lời nói không mất tiền mua/ Lựa lời mà nói cho vừa lòng nhau”.

Phụ nữ không quá *nặng lời* lúc nóng giận; không *ba hoa* khi hứng chí; không nói *đai bôi*, *giả dối* khi giao tiếp.

Trong *gia đình*, phụ nữ nói năng với chồng con *nhẹ nhàng, mềm mỏng*. *Ra ngoài đời*, họ nói *dịu dàng, điềm đạm*, không *tùy tiện*, không *oang oang*, không *gắt gỏng*. Phụ nữ không *cười to*, không nói to; họ nói năng *lễ độ đúng mực*, đặc biệt là tỏ ra *lễ phép, tôn kính* khi nói với người lớn tuổi, người già.

Hạnh là *hạnh kiểm, đức hạnh*. Đó là đạo đức đoan trang, đứng đắn, *nết na* của phụ nữ. Trong *gia đình*, họ biết *kính trên nhường dưới*, *chiều chồng, thương con*, *ăn ở tốt* với họ hàng nhà chồng. *Ra ngoài*, họ *đôi xử* với người mình giao

tiếp một cách chín chắn, lịch sự, không hờn hĩnh, không chua ngoa, không đão đẽ. Hạnh thể hiện những phẩm chất đạo đức cơ bản của phụ nữ, trước hết là sự *thủy chung* với chồng, *đức hy sinh* với con cái, giàu lòng *nhân ái* với mọi người xung quanh.

Phụ nữ đức hạnh xưa kia luôn chịu thương chịu khó gánh vác công việc nhà chồng, thủy chung với chồng. Khi người chồng chết, phụ nữ góa ở vậy nuôi con, không kết hôn lại. Do đó, mọi nguồn vui, sướng, khổ, thành bại từ cái *đức* của người phụ nữ quyết định. Xinh đẹp mà không có đức hạnh thì khó được người chồng, gia đình nhà chồng tôn trọng. Không xinh đẹp nhưng có đức hạnh thì cả gia đình nhà chồng đều quý mến.

Tóm lại “tứ đức” (*công, dung, ngôn, hạnh*) trước đây là nội dung được các gia đình giàu có, quyền quý dạy dỗ con cái, và là tiêu chuẩn để họ chọn con dâu. Nhưng thực tế ít ai trọn vẹn cả “tứ đức”. “Tứ đức” là *khuôn mẫu đạo đức* phụ nữ ngày xưa phải học tập, làm theo.

Theo quan niệm của số đông dân chúng thuộc các tầng lớp bình dân thì yêu cầu số một của phụ nữ là *khỏe mạnh* và *đảm đang*. Cho nên chữ “*công*” được đặt lên hàng đầu. Người đàn ông lấy vợ không đơn thuần chỉ để nối dõi tông đường, mà cần thêm người đỡ đần công việc gia đình. Tiếp đó chữ “*hạnh*” đối với phụ nữ vô cùng quan trọng. Có người vợ đức hạnh thì người chồng có chỗ dựa vững chắc, tin cậy để yên tâm làm ăn, tạo dựng sự nghiệp và trước hết có một gia đình thuận hòa, yên ấm.

Với chữ “*dung*”, người bình dân không quá coi trọng hình thức; với họ hình thức bề ngoài miễn sao khỏe mạnh, sáng sủa là được. “*Đừng ham da trắng, tóc dài/ Tháng ba ngày tám cố mài mà ăn*”.

Trong bốn phẩm chất nói trên, cái đáng quý nhất đối với phụ nữ bình dân vẫn là phẩm chất *cần cù lao động, chịu thương chịu khó*. Tất nhiên, phụ nữ có đủ công, dung, ngôn, hạnh vẫn là ước mơ của người chồng.

Nhìn chung, quan niệm “*tứ đức*” trước đây chỉ *bó hẹp trách nhiệm của phụ nữ trong gia đình*. Phụ nữ lao động chân tay vất vả, ít kiến thức, ít được học tập, ít tham gia công việc xã hội. Đó là *những hạn chế lớn* đối với phụ nữ trước đây, đặc biệt trong việc phát huy trí tuệ thông minh, tài năng tháo vát toàn diện của họ đóng góp cho xã hội. Điều này đã ảnh hưởng lớn đến địa vị, vai trò bình đẳng của phụ nữ trong gia đình và ngoài xã hội và củng cố thêm quan niệm trọng nam khinh nữ trước đây.

2. Xây dựng đạo đức, nhân cách và văn hóa ứng xử của phụ nữ Việt Nam hiện nay

2.1. Những nhân tố đang tác động đến cuộc sống của người dân Việt Nam trong thời đại mới, đòi hỏi việc đổi mới, hoàn thiện các giá trị đạo đức của phụ nữ

a/ *Toàn cầu hóa* các hoạt động kinh tế, chính trị, xã hội của các nước trên thế giới trong thế kỉ XXI và một xã hội thông tin rộng rãi, kịp thời, nhanh chóng. Việc *quốc tế hóa toàn diện*, nhanh chóng và sâu sắc các hoạt động

xã hội đa dạng trong cộng đồng dân cư khắp năm châu được diễn ra, nhờ sự phát triển của các phương tiện thông tin hiện đại và phổ cập.

b/ *Kinh tế tri thức*, dựa trên những thành tựu khoa học – công nghệ mới, đã cho năng suất lao động cao, giảm nhẹ lao động chân tay nặng nhọc của con người. Những khám phá, phát minh khoa học mới đã đem lại sự phát triển, sản xuất có hiệu quả ở nhiều ngành với chi phí sản xuất thấp, sử dụng ít lao động sống của con người.

c/ *Lao động trí óc* được tăng cường, lao động chân tay năng suất thấp, nặng nhọc ngày càng giảm bớt. Vì vậy, người lao động, người dân phải có *kiến thức khoa học, có chuyên môn nghề nghiệp* vững vàng, không ngừng được nâng cao và đi sâu mới đáp ứng yêu cầu của sản xuất hiện nay, cũng như các hoạt động chính trị, xã hội khác. *Lao động sáng tạo* luôn phát huy sáng kiến theo kịp sự biến đổi hàng ngày của yêu cầu phát triển kinh tế xã hội của đất nước ở thế kỉ XXI này.

Có sự mở rộng nhiều ngành nghề chuyên môn mà phụ nữ có thể tham gia và làm tốt. Phụ nữ các lứa tuổi lao động ở các ngành nghề ngày càng đông, càng đa dạng. Số chị em chỉ ở nhà làm nội trợ gia đình ngày càng ít ỏi. Phụ nữ đang trở thành người lao động phổ biến ngoài xã hội.

d/ Trách nhiệm tổ chức đời sống gia đình của phụ nữ được chia sẻ: hai vợ chồng cùng tham gia tổ chức đời sống gia đình, cùng lao động kiếm tiền, cùng nuôi dạy con cái. Sự phát triển các dịch

vụ xã hội giá rẻ, thuận lợi, đáp ứng kịp thời yêu cầu của các gia đình trong việc cung cấp thức ăn, chăm sóc trẻ em, người ốm, người già. Điều đó giúp người phụ nữ đỡ vất vả tốn kém thời gian để làm nội trợ gia đình, chăm sóc các thành viên. Việc *kế hoạch hóa sinh đẻ* (do Nhà nước ta phát động và khuyến khích mỗi gia đình chỉ nên có 2 con) đã giảm bớt gánh nặng sinh đẻ, nuôi con nhỏ của phụ nữ.

e/ *Nguyên tắc hôn nhân 1 vợ 1 chồng* đã được pháp luật nước ta quy định rõ ràng và đảm bảo quyền lợi cho người phụ nữ. Ví dụ: Quốc hội nước ta đã ban hành Luật Hôn nhân - Gia đình tháng 6 năm 2000; Luật Chống bạo lực trong gia đình ngày 20 tháng 11 năm 2007; Luật Bình đẳng giới ngày 29 tháng 11 năm 2006 và thực hiện từ ngày 1 tháng 7 năm 2007. Các luật đó đã quy định rõ sự bình đẳng giới trong các lĩnh vực của đời sống xã hội và gia đình, cùng các biện pháp bảo đảm bình đẳng giới.

2.2. Những giá trị đạo đức truyền thống của gia đình Việt Nam

Văn hóa Việt Nam truyền thống đề cao *đạo hiếu* của con cái đối với cha mẹ, *lòng biết ơn công sinh thành dưỡng dục*: “Công cha như núi Thái Sơn, Nghĩa mẹ như nước trong nguồn chảy ra”; “Một lòng thờ mẹ kính cha, Cho tròn chữ hiếu mới là đạo con.”

Bên cạnh đạo hiếu, văn hóa Việt Nam truyền thống còn đề cao nhiều giá trị đạo đức gia đình khác. Đó là: *lòng chung thủy giữa vợ và chồng* (“Thuận vợ thuận chồng, tát bể Đông cũng cạn”); *tình nghĩa anh em* (“Anh em như thể

chân tay”, “Chị ngã em nâng”); lòng tôn kính và biết ơn ông bà tổ tiên (“Uống nước nhớ nguồn”); ý thức chăm lo *lợi ích chung của gia đình*, giữ gìn sự hòa thuận, êm ấm, nhường nhịn lẫn nhau, chăm lo *đạo đức, uy tín của gia đình* (“Đói cho sạch, rách cho thơm”).

Nhìn chung, gia đình truyền thống Việt Nam dùng *Tình - Lễ - Nghĩa* để vun đắp sự hòa thuận, êm ấm, tạo dựng một gia đình *có phúc và có đức*.

Trong gia đình, các thành viên cư xử với nhau theo *Tình* mà không phải theo lý lẽ sòng phẳng của luật pháp để giải quyết các mâu thuẫn xảy ra. Họ bỏ qua những thiệt thòi cá nhân, vì lợi ích chung của cả nhà (“9 bỏ làm 10”). Từ *Tình* mà thành *Nghĩa*. Họ có ý thức về nhiệm vụ với nhau, tương xứng với tình. *Nghĩa* lại được quy định thành *Lễ*, tức là cách ứng xử cụ thể cho thích đáng trong từng trường hợp.

Lễ, Nghĩa được dùng để thể chế hóa hành động của các thành viên cho đúng yêu cầu cần thiết của đạo đức gia đình. Lễ biểu đạt tình cảm yêu thương, sự hòa mục, thái độ tôn trọng lẫn nhau, nhường nhịn lẫn nhau theo những *nghi thức* đẹp đẽ. Lễ thể hiện cái *hài hòa, cái đẹp* trong gia đình.

Con người trong gia đình truyền thống coi trách nhiệm với gia đình cao hơn hành phúc cá nhân, coi lễ và nghĩa cao hơn tình cảm riêng.

Đó là những giá trị tốt đẹp đáng trân trọng, cần được giữ gìn và phát huy của truyền thống gia đình Việt Nam. Tuy nhiên, trong gia đình truyền thống tồn tại những mặt hạn chế, bảo thủ, lạc hậu,

không phù hợp với thời đại ngày nay, cần được khắc phục. Một trong các nguyên tắc xử sự của gia đình truyền thống là *sai khiến* và *phục tùng* (trên bảo dưới tuân theo, đúng sai không được cãi lại); lợi ích cá nhân phải phục tùng lợi ích chung của gia đình, của dòng họ; *không có bình đẳng, dân chủ; trọng nam khinh nữ*; quyền uy của người con trưởng, người chồng, người cha là trên hết (vợ, con phải phục tùng tuyệt đối); cách đối xử giữa các thành viên gia đình và dòng họ theo *thứ bậc, đẳng cấp* rõ ràng và *thiên vị* tuổi tác; người già được xem trọng, người trẻ bị coi thường.

2.3. Xây dựng đạo đức, nhân cách và văn hóa ứng xử của phụ nữ Việt Nam thời hiện đại

Những phẩm chất tốt đẹp của phụ nữ Việt Nam đã được giữ gìn phát huy qua nhiều thế hệ, nhiều giai đoạn phát triển của đất nước. Ngày nay cần phát huy những giá trị tinh thần truyền thống của dân tộc, kết hợp với những tiêu chí đạo đức của thời kì công nghiệp hóa – hiện đại hóa đất nước để hình thành nên nhân cách và văn hóa ứng xử của phụ nữ mới, hiện đại.

a/ Những phẩm chất đạo đức truyền thống của dân tộc cần được phát huy để đáp ứng yêu cầu của thời đại mới.

Một là, *tinh thần yêu nước* kết hợp với sự *giao lưu hợp tác quốc tế* rộng rãi, đa dạng, trên các lĩnh vực kinh tế, chính trị, xã hội, văn hóa, tư tưởng. Việc hợp tác giao lưu quốc tế này có lợi cho việc củng cố nền độc lập dân tộc của nước ta, tăng cường sức mạnh kinh tế xã hội của đất nước một cách toàn diện.

Hai là, đức tính cần cù, chịu khó của nhân dân ta cần được phát huy. Người lao động cần không ngừng học tập, nâng cao trình độ chuyên môn, nghề nghiệp, có kiến thức đa dạng phong phú, sáng tạo nhằm cải tiến công việc, giảm bớt khâu lao động chân tay nặng nhọc, năng suất thấp.

Ba là, có ý thức trách nhiệm đối với việc xây dựng tổ ấm gia đình. Vợ chồng bình đẳng trong gia đình, cùng chia sẻ việc nhà, nuôi dạy con cái, cùng đóng góp cho việc nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của các thành viên.

Bốn là, khắc phục tư tưởng ích kỉ cá nhân, chỉ lo làm giàu cho gia đình và bản thân. Quan tâm đến công việc cộng đồng, lợi ích của mọi người, của xã hội, đoàn kết với xóm làng, phố phường. Tích cực tham gia công việc chung của cộng đồng dân cư, làm việc thiện, cứu giúp đồng bào gặp khó khăn, thiếu đói. Tích cực đấu tranh chống nạn tham ô, tham nhũng, lợi dụng chức quyền của một số kẻ chỉ lo làm giàu cho bản thân.

b/ Phụ nữ cần học tập các giá trị tốt đẹp của “tứ đức”: công, dung, ngôn, hạnh truyền thống với tinh thần đổi mới, phù hợp với thời đại hiện nay.

Nội dung của công, dung, ngôn, hạnh bao hàm những giá trị đạo đức quý báu của phụ nữ ở mọi thời đại. Ngày nay phụ nữ vẫn cần học tập những nét tốt đẹp của “tứ đức” để trau dồi tư cách của mình, đồng thời gạt bỏ những điểm lạc hậu, lỗi thời, mở rộng, điều chỉnh cho phù hợp với yêu cầu thời đại ngày nay.

Chữ “công” không chỉ bó hẹp trong việc đảm việc nhà, tề gia nội trợ, giỏi

may vá, thêu thùa, chăm sóc gia đình, con cái. Phụ nữ ngày nay vừa giỏi việc nước lại đảm việc nhà. Phụ nữ có sự nghiệp riêng, có công ăn việc làm chuyên môn, đem lại cho họ thu nhập nhất định, không phụ thuộc, ỷ lại vào đồng lương của chồng. Nhiều phụ nữ đã tham gia nhiều ngành nghề khác nhau và đã có những vị trí công tác xã hội quan trọng. Họ đã góp phần to lớn trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ đất nước.

Do đó, người phụ nữ cần có sức khỏe, có kĩ năng nghề nghiệp, có kiến thức đa dạng để có thể lao động kiếm sống, làm giàu chính đáng, nâng cao giá trị bản thân, không thua kém nam giới trong hoạt động xã hội.

Chữ “công” ngày nay đòi hỏi người phụ nữ biết sắp xếp thời gian làm việc, sinh hoạt hàng ngày một cách khoa học để có thể cùng một lúc vừa đảm việc nhà, vừa lo chu toàn công việc chuyên môn, nghề nghiệp.

Chữ “dung” đề cập đến vẻ đẹp bề ngoài của người phụ nữ, cách ăn mặc, đi đứng. Vẻ đẹp đó ngày nay không phải đòi hỏi sự yếu điệu, liễu yếu đào tơ, mặt hoa da phấn, chim sa cá lặn. Phụ nữ phải khỏe mạnh, nhanh nhẹn, năng động. Họ có bộ mặt tươi tắn, sáng sủa, trang phục chỉnh tề, tóc tai gọn gàng, quần áo sạch sẽ, chần chu.

Dung cũng thể hiện ở dáng đứng, cách đi, cách ứng xử có văn hóa. Ngày nay, nhiều chị em lại mong muốn có thân hình cân đối, khỏe mạnh, có vòng eo đẹp, có bộ ngực, mông, đùi cân xứng. Nhưng đã xuất hiện những xu hướng lệch lạc: có những thiếu nữ thích phô

trương vẻ đẹp thân thể qua cách ăn mặc quá hở hang, lộ liễu thân hình, để mọi người ngấm nhìn. Họ luôn thay đổi một quần áo để thu hút sự chú ý của nam giới và được bạn gái ca tụng, bắt chước, v.v..

Chữ “ngôn” là lời nói, ngôn ngữ giao tiếp của phụ nữ. Ngày nay phụ nữ không chỉ cần nói năng *lễ phép, lịch sự, tinh tế*, mà còn cần *giao tiếp khéo léo, dịu dàng, mạnh mẽ; cần ứng xử thông minh*, có hiểu biết và có văn hóa. Phụ nữ không nhất thiết lúc nào cũng phải e lệ, không phải nói năng nhỏ nhẹ, miệng cười chúm chím mới là đẹp. Lời nói của họ cần *rõ ràng, mạch lạc*; chuẩn mực, dễ nghe, truyền cảm và phù hợp với từng hoàn cảnh. Một cô giáo không thể hùng hổ quát mắng học sinh khi chúng không làm bài hay nói chuyện trong lớp. Nhưng một nữ giám đốc đôi khi lại phải có giọng nói cương quyết với nhân viên, nếu cứ nhỏ nhẹ chưa phải đã được việc.

Người phụ nữ cần *thẳng thắn, dũng cảm trong phê bình và tự phê bình*; cần đấu tranh chống lại sự bất bình đẳng trong gia đình, với hiện tượng *thiếu dân chủ, mất công bằng ngoài xã hội*, để bảo vệ quyền lợi của mình và của người khác.

Đáng tiếc là, có những cô gái trẻ lại hay ăn to, nói lớn, văng tục, chửi thề, hành động ngỗ ngược ở chỗ đông người, như muốn thể hiện sự mạnh mẽ và quyền tự do của họ. Tuy nhiên, sức mạnh của phụ nữ, cái khiến người ta yêu mến lại là cách ăn nói *mềm mỏng, dễ nghe, từ tốn*. Tục ngữ ta có câu: “Lạt mềm buộc chặt”.

Hạnh nói về đức hạnh người phụ nữ ngày nay; đó là sự *nết na, chung thủy*,

lòng nhân hậu, cách xử sự đúng mực, có tình, có lý đối với chồng con, gia đình, bạn bè và cộng đồng dân cư.

Chữ “hạnh” ngày nay thể hiện sự tận tâm của phụ nữ đối với công việc chuyên môn được giao phó. Chữ “hạnh” cũng nói lên tấm lòng chung thủy của phụ nữ với chồng, sự hy sinh của phụ nữ cho gia đình, con cái, quê hương, Tổ quốc; đồng thời nói lên khả năng *giỏi việc nước, đảm việc nhà* của phụ nữ. Chữ “hạnh” bao gồm trong đó cả nội dung của *công, dung, ngôn*.

c/ Sự kết hợp giữa những phẩm chất đạo đức truyền thống với nền văn minh hiện đại tạo nên giá trị cao quý và vẻ đẹp đích thực của phụ nữ Việt Nam hiện nay. Bản thân phụ nữ cần có nghị lực, cố gắng vươn lên trong mọi hoàn cảnh, cần cù và sáng tạo, khắc phục khó khăn, phát huy những phẩm chất tốt đẹp truyền thống để trở thành *người con hiếu thảo, người vợ hiền hậu, chung thủy, người mẹ nhân từ, người công dân tốt*.

Phụ nữ Việt Nam xinh đẹp, khỏe mạnh, chịu thương, chịu khó, *nết na, dịu dàng và mạnh mẽ, hiểu biết, giỏi giang*. Đó luôn là những điều mà người bạn đời, người chồng luôn mong muốn chờ đợi ở người vợ, đồng thời lại có *ý nghĩa xã hội sâu sắc*, tạo nên giá trị đích thực của phụ nữ Việt Nam trong thời đại mới. Họ là những người con hiếu thảo, người vợ đảm đang, người mẹ nhân hậu, người công dân yêu nước, xứng đáng với lời ca ngợi của Chủ tịch Hồ Chí Minh: “Non sông gấm vóc Việt Nam do phụ nữ ta trẻ cũng như già ra sức *thêu dệt* mà thêm tốt đẹp, rực rỡ”.

